**TỔNG HỢP CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ PHÍ CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 01 NĂM 2025**

 TS. Nguyễn Thị Khánh Vân – Khoa Kế toán

Sau kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 30/11/2024, nhiều văn bản Luật đã được điều chỉnh, sửa đổi và có hiệu lực thi hành từ tháng 01 năm 2025. Trong đó, có thể kể đến những thay đổi quan trong trong lĩnh vực Thuế, phí như sau:

**1. Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025**

Theo Nghị quyết 174/2024/QH15 của Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 30/11/2024. Theo đó, Quốc hội quyết nghị tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Chấm dứt ngay hiệu lực của quy định miễn thuế giá trị gia tăng trong Quyết định 78/2010/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở cho cơ quan quản lý thuế có căn cứ pháp lý và chế tài quản lý thu đối với các sàn thương mại điện tử nước ngoài bán hàng hóa vào Việt Nam.

**2. Sửa đổi quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế từ ngày 01/01/2025**

Luật sửa đổi Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính 2024 ( được gọi tắt là Luật sửa đổi 09 Luật 2024) được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024. Theo đó, Luật sửa đổi 09 Luật 2024 đã sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 47 Luật Quản lý thuế 2019  về khai bổ sung hồ sơ khai thuế như sau:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1: Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế **trong thời hạn 10 năm kể** từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây:

+ Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra;

+ Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế.

Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quy định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.”;

- Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3.

Luật sửa đổi 09 Luật 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trừ các trường hợp sau:

- Quy định về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 và khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi 09 Luật 2024; quy định về vốn chủ sở hữu tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi 09 Luật 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 3 Luật sửa đổi 09 Luật 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Quy định tại Điều 4 Luật sửa đổi 09 Luật 2024 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2025.

- Quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Luật sửa đổi 09 Luật 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2025.

**3. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải từ ngày 05/01/2025**

Nghị định 153/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 21/11/2024 quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, có hiệu lực từ ngày 05/01/2025.

Theo đó, đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải là bụi, khí thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý của các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung cấp phép về xả khí thải (sau đây gọi chung là cơ sở xả khí thải).

Cơ sở xả khí thải theo quy định tại Nghị định 153/2024/NĐ-CP bao gồm:

- Cơ sở sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu);

- Cơ sở sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ và hợp chất ni tơ (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sang chiết);

- Cơ sở lọc, hoá dầu;

- Cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

- Cơ sở sản xuất than cốc, sản xuất khí than;

- Nhà máy nhiệt điện;

- Cơ sở sản xuất xi măng;

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác có phát sinh bụi, khí thải công nghiệp không thuộc các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 3 Nghị định 153/2024/NĐ-CP.

**4. Ban hành thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải từ ngày 05/01/2025**

Quyết định 2869/QĐ-BTC Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 02/12/2024 công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 05/01/2025.

Theo thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải ban hành kèm theo Quyết định 2869/QĐ-BTC ngày 02/12/2024 thì cách thức thực hiện như sau:

- Người nộp phí nộp hồ sơ theo một trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (hoặc cơ quan được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng giao tiếp nhận Tờ khai phí).

+ Nộp qua bưu chính.

+ Nộp qua môi trường điện tử trong trường hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phép và đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử, chữ ký số, văn bản điện tử.

- Người nộp phí nộp phí, tiền chậm nộp phí (nếu có) theo một trong các hình thức sau:

+ Nộp theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng.

+ Nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

+ Nộp qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

**5. Mức thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025**

Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua  ngày 24/12/2024 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Theo đó, mức thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Mức thuế****(đồng/đơn vị hàng hóa)** |
| 1 | Xăng, trừ etanol | lít | 2.000 |
| 2 | Nhiêu liệu bay | lít | 1.000 |
| 3 | Dầu diesel | lít | 1.000 |
| 4 | Dầu hỏa | lít | 600 |
| 5 | Dầu mazut | lít | 1.000 |
| 6 | Dầu nhờn | lít | 1.000 |
| 7 | Mỡ nhờn | kg | 1.000 |

Mức thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2026 được thực hiện theo quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Quyết định 2869/QĐ-BTC ngày 02/12/2024 công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính,

Chính phủ, Nghị định 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Nghị quyết 174/2024/QH15.

Quốc hội, Luật sửa đổi 09 Luật 2024, luật sửa đổi bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15  ngày 24/12/2024 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn